

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
*(đã được kiểm toán)*



## **NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 7
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	8 - 9
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10 – 12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 – 46



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 19/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 363/LĐT BXH-GP ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 12 năm 2016 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Giám sát thi công các công trình xây dựng công trình cầu đường; Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất, đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị (Chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).
- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Giấy phép số: 278/LĐT BXH-GP ngày 13/07/2011).
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất); Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Bán buôn gạo.
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Đại lý du lịch.
- Điều hành tour du lịch.
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề.
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty: 423.583.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tương đương 42.358.360 CP. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là: 1.175.583.600.000 đồng (Một nghìn một trăm bảy mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngày 28/09/2016, Công ty đã phát hành thành công 75.200.000 cổ phiếu để hoán đổi cho cổ đông của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình, với tỷ lệ hoán đổi là 1:1, tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) là 752.000.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2016, UBCK đã có công văn số 6633/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng về hoán đổi cổ phiếu nêu trên của Công ty.

Ngày 15/11/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Thông báo số 1188/TB-SGDHN về việc ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu niêm yết bổ sung nêu trên. Và ngày 24/11/2016 là ngày giao dịch chính thức số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung trên.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Theo giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh, mã số 00001 cấp ngày 25/08/2015 thì địa điểm kinh doanh của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Geleximco, 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

	<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 1	Biệt thự 1, lô 24, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
-	Chi nhánh Công ty Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội-Trung tâm XKLĐ HANIC 3 (Chi nhánh chấm dứt hoạt động theo thông báo số 531/16 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Kạn ngày 04/05/2016)	Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại Nghệ An (Chi nhánh chấm dứt hoạt động theo thông báo số 20206/16 ngày 02/11/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An)	Số 8, đường Hồ Xuân Hương, Khối 1, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Số 2, Khu Bắc Hà, phố Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại Móng Cái – Quảng Ninh (Chi nhánh chấm dứt hoạt động theo thông báo số 1114/KHĐT/ĐKKD ngày 25/07/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh)	Số 1, Phố Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, Quảng Ninh
-	Chi nhánh Đào tạo và cung ứng Nhân lực Quốc tế - Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp mã số cho chi nhánh số 0102287094-009 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2016)	Số nhà 17, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Vũ Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Vũ Văn Hậu	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Đinh Hồng Long	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Bà Nguyễn Thanh Hằng	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG****Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/12/2016
Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc – Đại diện theo Pháp luật	Bổ nhiệm ngày 08/12/2016
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/12/2016
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/4/2016
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/4/2016 và miễn nhiệm ngày 19/09/2016

**Kế toán trưởng**

Bà Vũ Thị Chinh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Lương Thành Trung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/08/2016



---

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc



**Lưu Quang Minh**





Số : 162 /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội*

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 10 đến trang 46 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.



### **Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội** tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã nêu tại thuyết minh I.1, trong năm 2016 Công ty đã phát hành thành công 75.200.000 cổ phiếu (tương đương 752.000.000.000 đồng) hoán đổi cho cổ đông của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình để tăng vốn điều lệ từ 423.583.600.000 đồng lên 1.175.583.600.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới đã tăng do phải chờ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0739-2017-133-1*

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017*

**Kiểm toán viên**

**Hoàng Thị Khánh Vân**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0371-2017-133-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>347.138.304.875</b>	<b>141.715.450.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>3.000.660.839</b>	<b>4.992.994.387</b>
1. Tiền	111		3.000.660.839	4.992.994.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.6</b>	<b>91.008.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		91.008.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>236.506.314.298</b>	<b>120.789.631.121</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>VI.2</b>	204.342.883.583	80.570.438.465
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		628.336.959	605.141.524
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>VI.3</b>	236.225.000.000	242.662.482.924
6. Các khoản phải thu khác	136	<b>VI.4a</b>	39.949.594.987	40.899.994.166
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(244.639.501.231)	(243.948.425.958)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.7</b>	<b>16.367.747.252</b>	<b>15.500.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.367.747.252	15.500.000.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>255.582.486</b>	<b>432.824.910</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		255.582.486	432.824.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.457.902.255.505</b>	<b>396.582.978.882</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.153.629.588.108</b>	<b>315.969.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>VI.4b</b>	1.160.166.588.108	315.969.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(6.537.000.000)	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>302.144.431</b>	<b>404.417.155</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.8</b>	302.144.431	404.417.155
- Nguyên giá	222		499.457.995	499.457.995
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(197.313.564)	(95.040.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.6</b>	<b>303.437.073.053</b>	<b>79.322.614.131</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		309.266.726.370	85.581.826.370
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5.829.653.317)	(6.259.212.239)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>533.449.913</b>	<b>886.947.596</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.9</b>	533.449.913	451.389.216
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	435.558.380
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.805.040.560.380</b>	<b>538.298.429.300</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>208.517.982.984</b>	<b>123.012.860.373</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>208.417.982.984</b>	<b>123.012.860.373</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	116.295.479.836	9.917.751.146
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		586.877.769	1.163.207.069
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.11	33.015.930.472	5.990.037.000
4. Phải trả người lao động	314		124.477.684	127.435.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.12	31.522.872.225	31.200.998.331
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.13a	19.484.570.800	30.668.239.209
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.14	3.736.533.080	40.243.923.891
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.651.241.118	3.701.268.399
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.13b	100.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.596.522.577.396</b>	<b>415.285.568.927</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.15</b>	<b>1.596.522.577.396</b>	<b>415.285.568.927</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.175.583.600.000	385.917.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		128.636.665.161	6.877.230.459
13. Lợi ích cổ động không kiểm soát	429		269.811.573.767	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.805.040.560.380</b>	<b>538.298.429.300</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm nay

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	485.247.793.136	94.771.750.504
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		485.247.793.136	94.771.750.504
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	373.154.348.393	16.779.746.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		112.093.444.743	77.992.004.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	14.033.746.695	254.016.776.264
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	988.446.927	2.185.728.145
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		321.873.894	1.723.431.459
8. Chi phí bán hàng	24	VII.7	8.145.350.321	1.926.054.850
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.7	10.691.078.622	(40.320.205)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		106.302.315.568	327.937.317.822
11. Thu nhập khác	31	VII.5	53.443.269.373	2.166.046.162
12. Chi phí khác	32	VII.6	12.369.626.885	1.621.401.892
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		41.073.642.488	544.644.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		147.375.958.056	328.481.962.092
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	20.761.781.476	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		126.614.176.580	328.481.962.092
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			122.194.993.082	328.481.962.092
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			4.419.183.498	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	2.079,42	9.112,37

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>147.375.958.056</b>	<b>328.481.962.092</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>01</b>	-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	102.272.724	4.673.754
- Các khoản dự phòng	03	6.798.516.351	(2.387.343.453)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(38.950.168)	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(58.699.122.181)	(1.102.812.700)
- Chi phí lãi vay	06	321.873.894	1.723.431.459
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>95.860.548.676</b>	<b>326.719.911.152</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(140.691.356.870)	(33.513.909.087)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(867.747.252)	6.200.000.000
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	59.976.048.695	(9.949.267.646)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(15.402.101)	(445.670.125)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.779.975.866)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.038.232.661)	(4.525.938.266)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.426.055.785
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(50.027.281)	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.173.831.205</b>	<b>283.131.205.947</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.617.475.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.145.594.924	16.957.857.523
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	36.847.730	(280.432.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	52.160.000.000	12.744.207.840
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(1.089.093.472)	83.161.264
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>54.253.349.182</b>	<b>(255.264.248.373)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.265.033.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64.458.464.103)	(29.296.108.694)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>(64.458.464.103)</b>	<b>(23.031.075.494)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.031.283.716)</b>	<b>4.835.882.080</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.992.994.387</b>	<b>157.112.307</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	38.950.168	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.000.660.839</b>	<b>4.992.994.387</b>

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Hải Yến*

Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

*Lương Thành Trung*

Lương Thành Trung

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ TỔNG HỢP  
HÀ NỘI**  
*Lưu Quang Minh*

Lưu Quang Minh



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 19/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 363/LĐTĐBXH-GP ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà FLC LANDMARK TOWER đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh, mã số 00001 cấp ngày 25/08/2015 thì địa điểm kinh doanh của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Geleximco, 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty: 423.583.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tương đương 42.358.360 CP. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là: 1.175.583.600.000 đồng (Một nghìn một trăm bảy mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tương đương 117.558.360 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới đã tăng do phải chờ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ Xuất khẩu lao động và các dịch vụ khác.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 16 ngày 19 tháng 12 năm 2016 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Giám sát thi công các công trình xây dựng công trình cầu đường; Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất, đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Quản lý



dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị (Chi hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).

- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Giấy phép số: 278/LĐT BXH-GP ngày 13/07/2011).
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất); Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Bán buôn gạo.
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Đại lý du lịch.
- Điều hành tour du lịch.
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề.



- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

#### ***Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:***

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### ***Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:***

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4. Các khoản đầu tư tài chính**



Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### **4.5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **4.7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo Thông tư 45/2013/BTC ngày 25/04/2013 và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính.

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải      | 6 – 10 năm |

#### **4.8. Chi phí trả trước**



Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **4.9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **4.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **4.11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay tổng hợp phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

#### **4.12. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



#### **4.13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **4.14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán

#### **4.15. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

#### **4.16. Vốn chủ sở hữu**



Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **4.17. Doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;



- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

***Doanh thu bán bất động sản***

- Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

**4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp



sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **4.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

*Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản*

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

#### **4.20. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **4.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC tại Điều 11, Khoản 1 quy định về thuế suất như sau: “*Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.*”



#### **4.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
  - Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
  - Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **4.23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể. Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	436.341.021	638.884.986
- Tiền gửi ngân hàng	2.564.319.818	4.354.109.401
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.660.839</b>	<b>4.992.994.387</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hà Thành			50.870.000.000	
Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình GT 892			2.282.578.971	2.282.578.971
Công ty CP Ngôi Sao An Bình	8.580.000.000		17.000.000.000	
CN Công ty CP XNK Hà Nội tại Hà Tây			6.804.891.405	
SS and Sons PVT.LTD			2.148.131.778	
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	44.474.637.484			
Công ty CP Confitech Tân Đạt	42.805.144.867			
Công ty CP Nam Hoàng Việt	34.670.246.237			
TCT Xây dựng nông nghiệp Việt Nam - CTCP	34.039.483.258			
Công ty CP Đầu tư xây dựng Hoàng Kim	14.778.220.665			
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.995.151.072	3.635.332.157	1.464.836.311	1.352.753.186
<b>Cộng</b>	<b>204.342.883.583</b>	<b>3.635.332.157</b>	<b>80.570.438.465</b>	<b>3.635.332.157</b>

**Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Công ty và các cá nhân liên quan</b>		
Công ty CP Ngôi Sao An Bình <i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Chủ tịch HĐQT SHN có quan hệ gia đình với chủ tịch HĐQT công ty CP Ngôi sao An Bình)</i>	8.580.000.000	17.000.000.000
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco) <i>(Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco))</i>	44.474.637.484	-
<b>Cộng</b>	<b>53.054.637.484</b>	<b>17.000.000.000</b>



**3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư tài chính Findex			2.433.702.301	2.433.702.301
Nguyễn Anh Quân (1)	235.700.000.000	235.700.000.000	235.700.000.000	235.700.000.000
Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000	635.000.000	635.000.000
Dự án CT 1 - The Pride			3.891.888.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (2)	200.000.000			
Khác			1.892.623	
<b>Cộng</b>	<b>236.225.000.000</b>	<b>236.025.000.000</b>	<b>242.662.482.924</b>	<b>238.768.702.301</b>

(1): Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Đến ngày 31/12/2016 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã vào ngày 24-12-2011. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011.

(2) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội vay theo hợp đồng số 03.07.2014/HĐVV/GE-ABFG ngày 03/07/2014 và phụ lục hợp đồng vay số 02/PLHĐ/GE-ABFG ngày 14/12/2015; Khoản vay có thời hạn vay là 12 tháng từ ngày giải ngân; Lãi suất cho vay là: 6%/năm.

Trong đó số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	200.000.000	

Đơn vị góp vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình (ABG).



**4. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>39.949.594.987</b>	<b>4.979.169.074</b>	<b>40.899.994.166</b>	<b>1.544.391.500</b>
- Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	46.449.998			
- Tạm ứng (1)	30.952.027.715		31.940.509.000	
+ Lê Song Hào	14.375.003.000		14.428.550.000	
+ Nguyễn Trung Kiên	12.953.730.000		12.953.730.000	
+ Nguyễn Thanh Tùng	2.095.685.000		2.095.685.000	
+ Khác	1.527.609.715		2.462.544.000	
- Phải thu khác	8.951.117.274	4.979.169.074	8.959.485.166	1.544.391.500
<i>Trong đó:</i>				
+ Công ty CP Đầu tư BĐS An Bình	-	-	660.800.000	
+ Công ty CP An Sinh (2)	6.561.147.700	3.250.000.000	6.561.147.700	
+ Lương Thị Ninh	928.470.000	928.470.000	928.470.000	928.470.000
+ Phải thu khác	1.461.499.574	800.699.074	809.067.466	615.921.500
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.160.166.588.108</b>	<b>6.537.000.000</b>	<b>315.969.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000	-
+ Ký quỹ Xuất khẩu LĐ	1.000.000.000		1.000.000.000	
+ Ký quỹ thuê diện tích thương mại (3)	28.000.000.000		28.000.000.000	
+ Ký cược Công ty CP đồ uống cao cấp Thái Lan				
- Phải thu khác dài hạn	1.131.166.588.108	6.537.000.000	286.969.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diêm Thụy) (4)	6.537.000.000	6.537.000.000	6.537.000.000	
+ Dự án Sân Golf Hòa Bình - Geleximco (5)	800.956.654.108		103.069.000.000	
+ Công Ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Dự án Gemek Tower) (6)	177.363.000.000		177.363.000.000	
+ CN Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng ninh (Dự án chung cư New Life Tower) (7)	90.005.000.000			
+ Công Ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Dự án An Bình City) (8)	53.985.000.000			
+ Khác	2.319.934.000			

(1): Số dư nợ tạm ứng đến ngày 31/12/2016 của các cá nhân: Lê Song Hào, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Thị Hà Thương là các khoản tạm ứng để phục vụ hoạt động triển khai các dự án và các dự án chưa kết thúc nên cá nhân chưa làm thủ tục hoàn ứng.



(2): Đây là khoản số tiền thoái vốn đầu tư tại Trạm thu phí Hoàng Mai theo biên bản thoái vốn ngày 22/05/2012 với Công ty Cổ phần An Sinh. Theo Biên bản thoái vốn này, Công ty CP An Sinh cam kết trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký biên bản, Công ty CP An Sinh sẽ thanh toán hết cho Hanic.

Tại ngày 12 tháng 11 năm 2015, Công ty cổ phần An Sinh và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã ký Biên bản làm việc. Theo đó, Công ty CP An Sinh thỏa thuận thanh toán cho Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội theo tiến độ như sau: Quý III/2016: thanh toán 3.250.000.000 đồng; Quý I/2017 thanh toán: 3.311.147.700 đồng.

(3): Đây là tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình để thuê diện tích thương mại Khu nhà ở cao tầng CT2 thuộc Khu đô thị thành phố Giao Lưu theo hợp đồng thuê diện tích thương mại số 02/2015/Abland-SHN ngày 29 tháng 6 năm 2015.

(4): Dự án Diềm Thụy: Đây là khoản tiền mà Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Diềm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.

(5): Dự án Sân Golf Hòa Bình - Geleximco:

Bao gồm khoản đầu tư của Hanic và An Bình với số tiền lần lượt là: 103.069.000.000 đồng và 697.887.654.108 đồng.

Đối với khoản đầu tư của Hanic:

Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 306/2015/HTGV/GELE - SHN ngày 23 tháng 6 năm 2015 giữa Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội. Theo Hợp đồng, hai bên hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác Dự án sân Golf Hòa Bình - Geleximco do Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - Chi nhánh Hòa Bình làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô sử dụng đất 263,4 ha tại xã Dân Hạ và thị trấn Kỳ Sơn - huyện Kỳ Sơn và xã Trung Minh - thành phố Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình.

Theo hợp đồng, Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - chi nhánh Hòa Bình góp bằng giá trị Quyền đầu tư, quyền sử dụng đất và vốn góp khác để đảm bảo triển khai dự án đúng tiến độ; Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội góp 26.000.000.000 đồng.

- Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội đã góp vốn vào Dự án sân Golf Hòa Bình - Geleximco do Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - Chi nhánh Hòa Bình làm chủ đầu tư là 103.069.000.000 đồng.

Đối với khoản đầu tư của An Bình:

Đây là khoản chuyển tiền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 379/2015/HDDT/Geleximco - ABFG ngày 20/5/2015: Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình và Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội cùng hợp tác đầu tư, xây dựng và kinh doanh, khai thác sản phẩm của Dự án Sân Golf Hòa Bình - Geleximco tại xã Dân Hạ, Thị trấn Kỳ Sơn và xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo Hợp đồng: Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội góp vốn bằng quyền đầu tư, kinh doanh và khai thác đối với dự án Sân Golf; Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình góp vốn bằng tiền, số tiền góp vốn là: 697.887.654.108 đồng. Bên B sẽ được chia lợi nhuận trên cơ sở doanh thu từ việc kinh doanh, khai thác sân Golf trên cơ sở tỷ lệ và số vốn góp của Công ty so với tổng mức đầu tư dự án.

**Thông tin với bên liên quan:**

Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - Ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội.



(6): Dự án Gemek Tower: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác số 04/2015/HTGV/GELE - SHN ngày 17 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án đầu tư xây dựng công trình Gemek Tower II do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất là: 6.936m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng là: 105.709m<sup>2</sup> với tổng mức đầu tư là: 1.020.207.770.000 đồng. Lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Khoản đầu tư này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐQT/2015 ngày 16 tháng 11 năm 2015 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nêu trong Nghị quyết số 01/NQ - ĐHCĐ/2015 ngày 26 tháng 06 năm 2015. Đến ngày 31/12/2016, Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tham gia dự án với tổng vốn góp là: 177.363.000.000 đồng.

**Thông tin với bên liên quan:**

*Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội.*

(7): Dự án chung cư New Life Tower: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác số 08/2016/HTGV/GELEQN-SHN ngày 12/08/2016 giữa Chi nhánh Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh và Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án khu chung cư cao tầng Cái Dăm (New Life Tower) do CN Công ty XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất: 11.392,2 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 106.347,4 m<sup>2</sup> với tổng mức đầu tư là 1.004.590.000.000 đồng. Lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tham gia dự án với tổng vốn góp là: 100.000.000.000 đồng. Khoản đầu tư này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 12/NQ - HĐQT/2016 ngày 12 tháng 08 năm 2016.

**Thông tin với bên liên quan:**

*Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Giám đốc của Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội.*

(8): Dự án An Bình City: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/GELE-SHN/2016 ngày 26/10/2016 giữa Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội và Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn cùng xây dựng và kinh doanh, khai thác Dự án Nhà ở cao tầng - Khu Đô thị Thành phố Giao lưu (An Bình City) do Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất quy hoạch 44.324 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 356.520 m<sup>2</sup>. Tổng mức đầu tư (dự kiến) là 4.836.765.973.000 đồng. Giá trị hợp tác là 100 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 2,07% tổng giá trị đầu tư dự án), lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Đến 31/12/2016, Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội đã góp vào dự án số tiền là 53.985.000.000 đồng.

*Thông tin với bên liên quan: Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó TGD Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội*



## 4c. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	<b>244.639.501.231</b>		<b>243.948.425.958</b>	
<b>Chi tiết</b>				
Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình GT 892	2.282.578.971	-	2.282.578.971	-
Công ty CP An Sinh	3.250.000.000	-		-
Công ty CP Đầu tư tài chính Findex			2.433.702.301	-
Nguyễn Anh Quân	235.700.000.000	-	235.700.000.000	-
Trần Tiến Thành	499.167.000	-	809.166.500	-
Công ty CP Cơ điện Công trình	120.225.000	-	120.225.000	-
Lương Thị Ninh	928.470.000	-	928.470.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.859.060.260	-	1.674.283.186	-
<b>Cộng</b>	<b>244.639.501.231</b>		<b>243.948.425.958</b>	



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>91.008.000.000</b>	<b>91.008.000.000</b>	-			
Công ty CP Giấy An Hòa	91.008.000.000	91.008.000.000				
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>309.266.726.370</b>	<b>303.437.073.053</b>	<b>5.829.653.317</b>	<b>85.581.826.370</b>	<b>79.322.614.131</b>	<b>6.259.212.239</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>298.685.400.000</b>	<b>296.524.092.683</b>	<b>2.161.307.317</b>	<b>65.250.500.000</b>	<b>58.991.287.761</b>	<b>6.259.212.239</b>
Công ty CP Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	1.776.000.000	1.714.692.683	61.307.317	1.776.000.000	1.313.703.314	462.296.686
Công ty CP Phát triển hạ tầng HN	3.442.000.000	3.442.000.000		13.442.000.000	9.745.084.447	3.696.915.553
Công ty CP Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	1.572.500.000		1.572.500.000	1.572.500.000	
Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000	
Công ty CP Tập đoàn ATK		-		35.360.000.000	35.360.000.000	
Ngân hàng TMCP An Bình	52.239.700.000	52.239.700.000				
Công ty CP TM SOFIA	43.450.000.000	43.450.000.000				
Công ty CP GELEXIMCO số 1	3.105.200.000	3.105.200.000				
Công ty CP Nhiệt điện Thăng Long	180.000.000.000	180.000.000.000				
<b>Đầu tư khác</b>	<b>10.581.326.370</b>	<b>6.912.980.370</b>	<b>3.668.346.000</b>	<b>20.331.326.370</b>	<b>20.331.326.370</b>	-
Dự án Tây Mỗ	6.912.980.370	6.912.980.370		6.912.980.370	6.912.980.370	
Dự án Mỹ Đình	3.668.346.000	-	3.668.346.000	3.668.346.000	3.668.346.000	
Công ty CP Thủy điện Đăkpru Hanic		-		3.900.000.000	3.900.000.000	
Công ty CP Xuân Minh Thanh Hoa		-		5.850.000.000	5.850.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>400.274.726.370</b>	<b>394.445.073.053</b>	<b>5.829.653.317</b>	<b>85.581.826.370</b>	<b>79.322.614.131</b>	<b>6.259.212.239</b>

**Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	6.259.212.239	5.796.915.553
- Trích lập dự phòng	3.668.346.000	462.296.686
- Hoàn nhập dự phòng	4.097.904.922	
- Số cuối kỳ	<b>5.829.653.317</b>	<b>6.259.212.239</b>



## 7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	16.367.747.252		15.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.367.747.252</b>	<b>-</b>	<b>15.500.000.000</b>	<b>-</b>

## 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	409.090.909	90.367.086	499.457.995
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>409.090.909</b>	<b>90.367.086</b>	<b>499.457.995</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.673.754	90.367.086	95.040.840
Số tăng trong kỳ	102.272.724	-	102.272.724
- Khấu hao trong kỳ	102.272.724		102.272.724
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>106.946.478</b>	<b>90.367.086</b>	<b>197.313.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	404.417.155	-	404.417.155
Tại ngày cuối kỳ	302.144.431	-	302.144.431

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>533.449.913</b>	<b>451.389.216</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng	85.384.417	391.678.099
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	448.065.496	59.711.117
<b>Cộng</b>	<b>533.449.913</b>	<b>451.389.216</b>



**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>116.295.479.836</b>	<b>116.295.479.836</b>	<b>9.917.751.146</b>	<b>9.917.751.146</b>
- Công ty TNHH MTV FLC Land	44.682.885	44.682.885	1.067.682.885	1.067.682.885
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	1.565.771.148	1.565.771.148	510.622.514	510.622.514
- Công ty CP Thép và Thương mại Hà Nội	8.485.254.184	8.485.254.184	6.671.424.679	6.671.424.679
- Công ty CP Đầu tư Hải Phát		-	1.338.229.305	1.338.229.305
- Công ty CP Thép và vật tư xây dựng	34.179.687.080	34.179.687.080		
- Công ty CP Đầu tư XD và Thương mại Hoàng Đạo	39.205.086.701	39.205.086.701		
Công ty CP SX DV và Thương Mại Phát Linh	29.715.991.690	29.715.991.690		
- Phải trả người bán khác	3.099.006.148	3.099.006.148	329.791.763	329.791.763
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.565.771.148</b>	<b>1.565.771.148</b>	<b>510.622.514</b>	<b>510.622.514</b>
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	1.565.771.148	1.565.771.148	510.622.514	510.622.514

Mối quan hệ: Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Điều chỉnh khác	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	e=(a)+(b)-(c)-(d)
Thuế GTGT phải nộp	-	34.956.696.403	1.588.179.226	27.100.615.636	6.267.901.541
Thuế TNDN	5.650.855.075	25.958.187.288	21.221.577.553	(15.183.343.583)	25.570.808.393
Thuế thu nhập cá nhân	3.102.915	75.827.987	72.075.034	(1.320.000)	8.175.868
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	336.079.010	6.501.254.936	5.668.289.276		1.169.044.670
<b>Cộng</b>	<b>5.990.037.000</b>	<b>67.491.966.614</b>	<b>28.550.121.089</b>	<b>11.915.952.053</b>	<b>33.015.930.472</b>



**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.522.872.225</b>	<b>31.200.998.331</b>
- Lãi vay phải trả	31.522.872.225	31.200.998.331
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.522.872.225</b>	<b>31.200.998.331</b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.484.570.800</b>	<b>30.668.239.209</b>
- Kinh phí công đoàn	12.686.735	15.889.735
- Bảo hiểm xã hội	57.275.078	55.440.009
- Bảo hiểm y tế	5.856.250	9.759.471
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.598.739	5.536.633
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	535.229.552
- Phải trả, phải nộp khác	19.222.575.499	29.862.805.310
+ Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội	-	10.000.000.000
+ Dự án KĐT Thanh Hà A	3.664.400.000	4.199.400.000
+ Phải trả phải nộp khác (*)	15.558.175.499	15.663.405.310
- Dự Có tài khoản phải thu khác	183.578.499	183.578.499
<b>b. Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.584.570.800</b>	<b>30.668.239.209</b>

(\*): Trong đó số dư phải trả 14.933.905.499 VND liên quan đến việc công ty nhận chuyển nhượng 12 cây tùng La hán và bù lại đối tác sẽ được tham gia hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/Hanic ngày 10/11/2011.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>40.243.923.891</b>	<b>40.243.923.891</b>	<b>643.328.400</b>	<b>37.150.719.211</b>	<b>3.736.533.080</b>	<b>3.736.533.080</b>
Công ty CP XNK tổng hợp Hà Nội					-	-
Các cá nhân khác (*)	40.243.923.891	40.243.923.891	643.328.400	37.150.719.211	3.736.533.080	3.736.533.080
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.243.923.891</b>	<b>40.243.923.891</b>	<b>643.328.400</b>	<b>37.150.719.211</b>	<b>3.736.533.080</b>	<b>3.736.533.080</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2016, số vay ngắn hạn cá nhân là 3.736.533.080 đồng. Đây là các khoản vay các cá nhân để phục vụ các dự án căn hộ chung cư và dự án chưa hoàn thành. Khoản vay này lãi suất là 0%.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>324.533.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>(321.604.531.633)</b>		<b>25.419.806.835</b>
- Tăng vốn năm trước	61.384.000.000					61.384.000.000
- Lãi trong năm trước				328.481.962.092		328.481.962.092
- Tăng/giảm khác				(200.000)		(200.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>385.917.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>6.877.230.459</b>	<b>-</b>	<b>415.285.568.927</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>385.917.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>6.877.230.459</b>	<b>-</b>	<b>415.285.568.927</b>
- Tăng trong năm (*)	789.666.000.000					789.666.000.000
- Lãi trong năm				122.194.993.082		122.194.993.082
- Tăng khác					269.811.573.767	269.811.573.767
-Tăng/ Giảm khác				(435.558.380)		(435.558.380)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.175.583.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>128.636.665.161</b>	<b>269.811.573.767</b>	<b>1.596.522.577.396</b>

(\*): Vốn tăng trong kỳ do phát hành riêng lẻ để cân trừ công nợ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 26/6/2015 và phát hành cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi theo giấy chứng nhận số 51/GCN-UBCK ngày 30/08/2016, chi tiết cụ thể:

+ Vốn tăng trong kỳ do phát hành riêng lẻ để cân trừ công nợ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 26/6/2015; tại Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT/2016 ngày 04/01/2016 và công văn số 1506/UBCK - QLCB ngày 30/3/2016 về việc chấp thuận việc chào bán riêng lẻ thành công 3.766.600 cổ phiếu tương đương 37.666.000.000 đồng

+ Ngày 28/09/2016 Công ty đã phát hành thành công 75.200.000 cổ phiếu để hoán đổi cho cổ đông của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình, với tỷ lệ hoán đổi là 1:1, tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) là 752.000.000.000 đồng và ngày 03/10/2016, UBCK đã có công văn số 6633/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi của Công ty.

**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của cổ đông khác	1.175.583.600.000	385.917.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.175.583.600.000</b>	<b>385.917.600.000</b>



**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	385.917.600.000	324.533.600.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	789.666.000.000	61.384.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.175.583.600.000	385.917.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.558.360	38.591.760
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.558.360	38.591.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.558.360	38.591.760
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.558.360	38.591.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.558.360	38.591.760
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển	6.139.824.104	6.139.824.104
<b>Cộng</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>6.139.824.104</b>

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại (USD)	48.695,09	755,31

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	416.366.192.231	13.155.394.447
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.881.600.905	81.616.356.057
+ <i>Doanh thu Xuất khẩu lao động</i>	2.721.896.000	3.434.537.875
+ <i>Doanh thu môi giới bất động sản (*)</i>	66.159.704.905	78.181.818.182
<b>Cộng</b>	<b>485.247.793.136</b>	<b>94.771.750.504</b>

(\*): Doanh thu cung cấp dịch vụ Bất động sản được ký kết giữa Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội với Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội, Hợp đồng số 230615/GELE-SHN ngày 23/06/2015.

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng ký kết giữa 2 bên và Biên bản nghiệm thu và các hồ sơ khác liên quan được ký kết giữa Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội và Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội.



**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hóa đã bán

**Cộng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	373.154.348.393	16.779.746.156
<b>Cộng</b>	<b>373.154.348.393</b>	<b>16.779.746.156</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi chênh lệch tỷ giá

- Lãi chậm thanh toán tiền hàng

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Lãi chứng khoán kinh doanh

- Lãi chứng khoán đầu tư

- Doanh thu tài chính khác

**Cộng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.219.886	83.161.264
- Lãi chênh lệch tỷ giá	59.859.168	
- Lãi chậm thanh toán tiền hàng	158.667.641	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.000.000	
- Lãi chứng khoán kinh doanh	6.600.000.000	253.932.000.000
- Lãi chứng khoán đầu tư	7.050.000.000	
- Doanh thu tài chính khác		1.615.000
<b>Cộng</b>	<b>14.033.746.695</b>	<b>254.016.776.264</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi vay các tổ chức, cá nhân khác

- Lỗ chênh lệch tỷ giá

- Trích lập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư

- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Chi phí tài chính khác

**Cộng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi vay các tổ chức, cá nhân khác	321.873.894	1.723.431.459
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.909.000	
- Trích lập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	3.668.346.000	462.296.686
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(3.123.073.381)	
- Chi phí tài chính khác	100.391.414	
<b>Cộng</b>	<b>988.446.927</b>	<b>2.185.728.145</b>

**5. THU NHẬP KHÁC**

- Khoản thu tiền chuyển nhượng dự án Tây Mỗ từ năm 2009

- Lãi vay từ những năm trước được khách hàng miễn giảm

- Lãi phát sinh từ nhiều năm trước khi đóng tài khoản ngân hàng

- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải trả

- Lãi do đầu tư công ty con

- Thu nhập khác

**Cộng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Khoản thu tiền chuyển nhượng dự án Tây Mỗ từ năm 2009		2.000.000.000
- Lãi vay từ những năm trước được khách hàng miễn giảm		118.046.162
- Lãi phát sinh từ nhiều năm trước khi đóng tài khoản ngân hàng	21.380.904	
- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải trả	683.404.764	
- Lãi do đầu tư công ty con	52.738.215.654	
- Thu nhập khác	268.051	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.443.269.373</b>	<b>2.166.046.162</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

- Chi phí phạt hành chính

- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải thu

- Bù trừ công nợ

- Phí tư vấn dự án The Pride phải trả khách hàng

- Chi phí chuyển nhượng dự án The Pride

- Phạt và lãi chậm nộp thuế

- Thuế TNDN bị truy thu từ 2011 - 2014

- Chi phí khác

**Cộng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí phạt hành chính	9.707.000	
- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải thu	74.968.524	
- Bù trừ công nợ		465.765.300
- Phí tư vấn dự án The Pride phải trả khách hàng	508.670.000	329.450.000
- Chi phí chuyển nhượng dự án The Pride		431.422.000
- Phạt và lãi chậm nộp thuế	6.896.854.930	
- Thuế TNDN bị truy thu từ 2011 - 2014	4.832.197.302	
- Chi phí khác	47.229.129	394.764.592
<b>Cộng</b>	<b>12.369.626.885</b>	<b>1.621.401.892</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



**7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.583.287	49.867.985
- Chi phí nhân công	3.567.594.474	1.541.364.166
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.272.724	4.673.753
- Thuế phí lệ phí	212.197.945	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.915.436.249	2.493.586.963
- Chi phí khác bằng tiền	3.458.100.532	645.881.916
- Trích lập dự phòng	9.971.777.574	-
- Hoàn nhập dự phòng	(3.718.533.842)	(2.849.640.138)
<b>Cộng</b>	<b>18.836.428.943</b>	<b>1.885.734.645</b>

**Trong đó bao gồm:**

**Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	46.145.344	4.023.403
- Chi phí nhân công	1.487.257.944	127.135.474
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		4.673.753
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.650.769.606	1.389.257.792
- Chi phí khác bằng tiền	2.961.177.427	400.964.428
<b>Cộng</b>	<b>8.145.350.321</b>	<b>1.926.054.850</b>

**Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	281.437.943	45.844.582
- Chi phí nhân công	2.080.336.530	1.414.228.692
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.272.724	
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	212.197.945	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.264.666.643	1.104.329.171
- Chi phí khác bằng tiền	496.923.105	244.917.488
- Trích lập dự phòng các khoản phải thu	9.971.777.574	
- Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	(3.718.533.842)	(2.849.640.138)
<b>Cộng</b>	<b>10.691.078.622</b>	<b>(40.320.205)</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.761.781.476	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20.761.781.476</b>	<b>-</b>



**9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	126.614.176.580	328.481.962.092
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	126.614.176.580	328.481.962.092
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.889.060	36.047.919
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.079,42</b>	<b>9.112,37</b>

Ngày	Vốn	Số lượng	Ngày lưu hành	Cổ phiếu lưu hành bình quân
1/1/2016	385.917.600.000	38.591.760	365	38.591.760
3/22/2016	37.666.000.000	3.766.600	284	2.930.724
9/28/2016	752.000.000.000	75.200.000	94	19.366.575
<b>Cộng</b>	<b>1.175.583.600.000</b>	<b>117.558.360</b>	<b>743</b>	<b>60.889.060</b>

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG**

Ngày 04/01/2016, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT /2016 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 26/06/2015 với nội dung cơ bản là phát hành cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ; Số lượng phát hành lần này là 3.766.600 cổ phần tương đương 37.666.000.000 đồng; loại cổ phiếu: hạn chế chuyển nhượng trong 12 tháng.

Ngày 22/03/2016, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ với số tiền 37.666.000.000 đồng, tương đương với 3.766.600 cổ phần, số cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng 12 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Ngày 30/3/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 1506/UBCK-QLCB về việc chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ thành công 3.766.600 cổ phần để hoán đổi công nợ

Ngày 19/04/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 107/2009/GCNCP-VSD-3, thay đổi lần 3. Theo đó, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 42.358.360 cổ phần.

Ngày 30/08/2016, UBCK Nhà Nước cấp Giấy Chứng nhận số 51/GCN-UBCK về việc đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi. Cụ thể là, phát hành 75.200.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình, với tỷ lệ hoán đổi là 1:1, tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) là 752.000.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2016, UBCK đã có công văn số 6633/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi của Công ty.

Ngày 03/10/2016, UBCK đã có công văn số 6633/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi của Công ty.

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm : 789.666.000.000 VND bao gồm:

- Số tiền tăng vốn do phát hành riêng lẻ để cân trừ công nợ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 26/6/2015; tại Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT/2016 ngày 04/01/2016 và công văn số 1506/UBCK - QLCB ngày 30/3/2016 về việc chấp thuận việc chào bán riêng lẻ thành công 3.766.600 cổ phiếu tương đương 37.666.000.000 đồng. Do đó, một khoản tiền tương ứng sẽ được điều chỉnh giảm trên chi tiêu "Tiền chi trả nợ gốc vay" là 35.808.000.000 VND và chi tiêu "Tăng/(giảm) các khoản phải trả" là 1.858.000.000 VND.



- Số tiền tăng vốn do Công ty đã phát hành thành công 75.200.000 cổ phiếu để hoán đổi cho cổ đông của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình, với tỷ lệ hoán đổi là 1:1, tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) là 752.000.000.000 đồng và ngày 03/10/2016, UBCK đã có công văn số 6633/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi của Công ty. Do đó, một khoản tiền tương ứng sẽ được điều chỉnh giảm trên chi tiêu "Tiền chi đầu tư vốn góp vào đơn vị khác".

Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 10.000.000.000 VND: Do trong năm Công ty đã trả lại số góp vốn dự án Vạn Minh cho Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng Hà Nội bằng 01 triệu cổ phiếu HICORP của SHN theo Biên bản bù trừ công nợ ngày 14/3/2016 giữa SHN-HICORP.

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.000.660.839		4.992.994.387	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.292.478.570	(8.614.501.231)	121.470.432.631	(5.179.723.657)
Các khoản cho vay	236.225.000.000	(236.025.000.000)	242.662.482.924	(238.768.702.301)
Đầu tư ngắn hạn	91.008.000.000		-	
Đầu tư dài hạn	309.266.726.370	(5.829.653.317)	85.581.826.370	(6.259.212.239)
<b>Cộng</b>	<b>883.792.865.779</b>	<b>(250.469.154.548)</b>	<b>454.707.736.312</b>	<b>(250.207.638.197)</b>

Nợ phải trả tài chính	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	3.736.533.080	40.243.923.891
Phải trả người bán, phải trả khác	135.880.050.636	40.585.990.355
Chi phí phải trả	31.522.872.225	31.200.998.331
<b>Cộng</b>	<b>171.139.455.941</b>	<b>112.030.912.577</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.000.660.839			3.000.660.839
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.292.478.570	1.160.166.588.108		1.404.459.066.678
Các khoản cho vay	236.225.000.000			236.225.000.000
Đầu tư ngắn hạn	309.266.726.370			309.266.726.370
Đầu tư dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>792.784.865.779</b>	<b>1.160.166.588.108</b>		<b>1.952.951.453.887</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.992.994.387			4.992.994.387
Phải thu khách hàng, phải thu khác	121.470.432.631	315.969.000.000		437.439.432.631
Các khoản cho vay	242.662.482.924			242.662.482.924
Đầu tư ngắn hạn	85.581.826.370			85.581.826.370
Đầu tư dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>454.707.736.312</b>	<b>315.969.000.000</b>		<b>770.676.736.312</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	3.736.533.080			3.736.533.080
Phải trả người bán, phải trả khác	135.780.050.636	100.000.000		135.880.050.636
Chi phí phải trả	31.522.872.225			31.522.872.225
<b>Cộng</b>	<b>171.039.455.941</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>171.139.455.941</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	40.243.923.891			40.243.923.891
Phải trả người bán, phải trả khác	40.585.990.355	-		40.585.990.355
Chi phí phải trả	31.200.998.331			31.200.998.331
<b>Cộng</b>	<b>112.030.912.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>112.030.912.577</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**X. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa	Doanh thu môi giới BDS	Dịch vụ Xuất khẩu lao động	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	416.366.192.231	66.159.704.905	2.721.896.000	485.247.793.136
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>416.366.192.231</b>	<b>66.159.704.905</b>	<b>2.721.896.000</b>	<b>485.247.793.136</b>
Chi phí bộ phận	373.154.348.393	-	-	373.154.348.393
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>43.211.843.838</b>	<b>66.159.704.905</b>	<b>2.721.896.000</b>	<b>112.093.444.743</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>18.836.428.943</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				93.257.015.800
Doanh thu hoạt động tài chính				14.033.746.695
Chi phí tài chính				988.446.927
Thu nhập khác				53.443.269.373
Chi phí khác				12.369.626.885
Thuế TNDN hiện hành				20.761.781.476
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>126.614.176.580</b>



**XI - GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**1. Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2016 như sau:**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Giao dịch trong năm 2016</b>	<b>Giá trị VND</b>
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó TGĐ Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	Doanh thu môi giới Bất động sản	66.121.706.158
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó TGĐ Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	Lãi cho vay ABG	9.200.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó TGĐ Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	Trả nợ thay nhà thầu tại ABG	11.661.101.606
- Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó TGĐ Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	Cho ABG thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan	120.738.487
- Công ty CP Giấy An Hòa	Chủ tịch HĐQT SHN có quan hệ gia đình với chủ tịch HĐQT công ty CP Giấy An Hòa	Doanh thu bán hàng hóa	159.237.455.750
- Công ty CP Giấy An Hòa	Chủ tịch HĐQT SHN có quan hệ gia đình với chủ tịch HĐQT công ty CP Giấy An Hòa	Mua hàng hóa	60.491.625.810

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	925.197.409	385.422.938

**X. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Các số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu năm nay.

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Hải Yến*

Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

*Lương Thành Trung*

Lương Thành Trung

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh